# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH LƯU TRỮ HỒ SƠ ONLINE.

Thời gian cập nhật: 01-2013

Phiên bản: Tiếng Việt

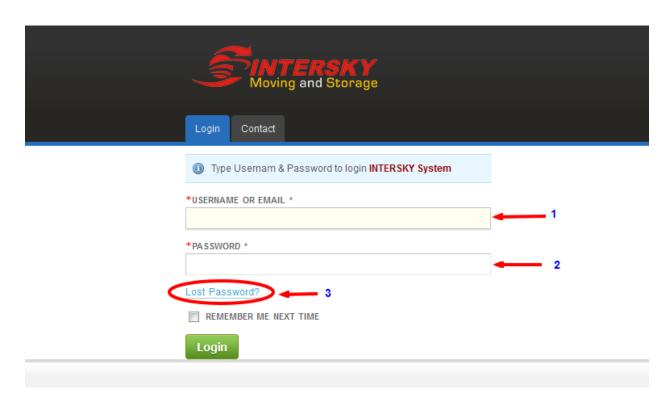
# Mục lục

ΗL	ƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH LƯU TRỮ HỒ SƠ ONLINE	1
		1
Th	nời gian cập nhật: 01-2013	1
Ph	niên bản: Tiếng Việt	1
1.	Login	2
2.	Restore Password	4
3.	Dashboard (admin)	5
4.	Kho chứa (Storage)	6
5.	Dãy chứa	7
	1. Thêm mới – cập nhật dãy chứa – Xem chi tiết (Range)	8
	a) Thêm mới	8
	b) Cập nhật dãy chứa	9
	c) Xem chi tiết dãy chứa	10
6.	Khách hang	14
	1. Thêm mới khách hàng	14
	2. Các thao tác khác:	15
7.	Users (quản lý thành viên)	22

# 1. Login

Địa chỉ đăng nhập hệ thống quản lý:

http://storage.intersky.com.vn/user/login để đăng nhập vào hệ thống như hình sau:



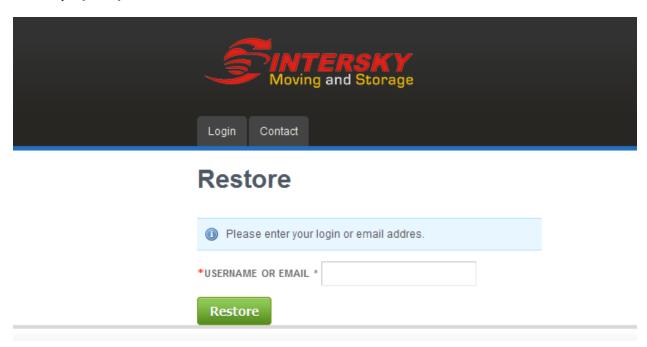
Hình 1: Màn hình đăng nhập hệ thống

Trong đó, người dung nhập thông tin tài khoản và password vào vị trí 1 và 2.

Lưu ý: tài khoản và mật khẩu sẽ do Admin cung cấp, nếu người dùng đánh mất mật khẩu thì click và số 3 để tiến hành thao tác hồi phục mật khẩu.

# 2. Restore Password

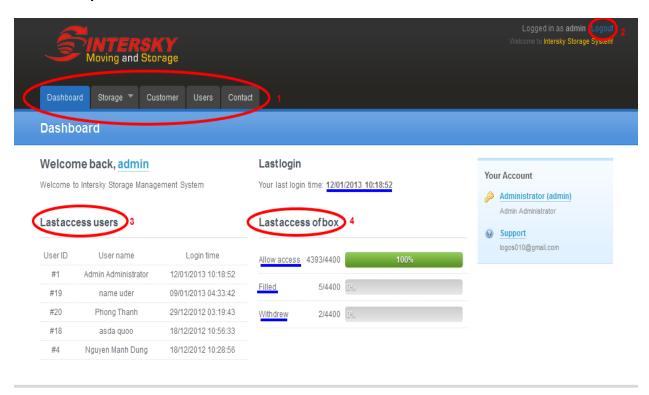
Người dùng có thể click vào link "Lost Password" tại trang đăng nhập để có thể lấy lại mật khẩu:



Hình 2: Màn hình khôi phục mật khẩu

# 3. Dashboard (admin)

Dashboard là màn hình hiển thị 1 số thông tin chung dành cho người dùng như thông tin đăng nhập lần cuối, tổng vị trí còn trống, tổng các thùng hồ sơ đã được rút ....

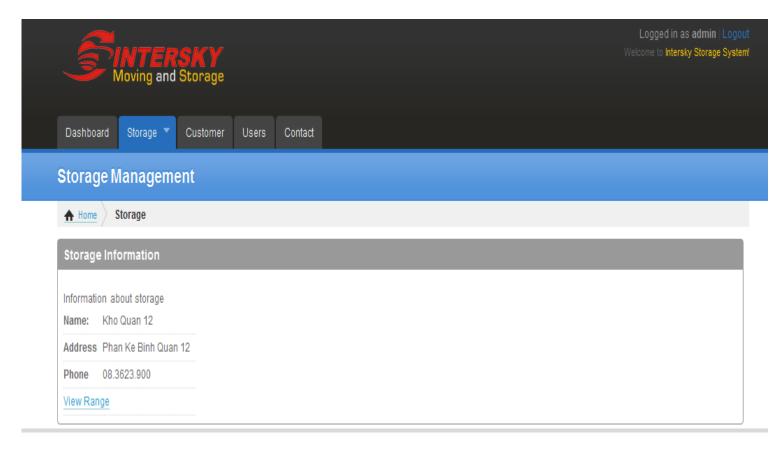


Hình 3: Màn hình sau khi login dành cho Admin

- 1: Danh sách menu truy cập vào các chức năng của hệ thống
- 2: Logout khi thoát khỏi hệ thống
- 3: Thông tin những thành viên truy cập cuối cùng (5 thành viên)
- 4: Thông tin chỉ số lượng thùng đã bị rút đi (Withdraw), số vị trí còn rỗng (Allow access) và tổng số vị trí đã chứa hồ sơ.

# 4. Kho chứa (Storage)

Màn hình hiển thị thông tin kho, bao gồm thông tin về địa chỉ, điện thoại và tên kho

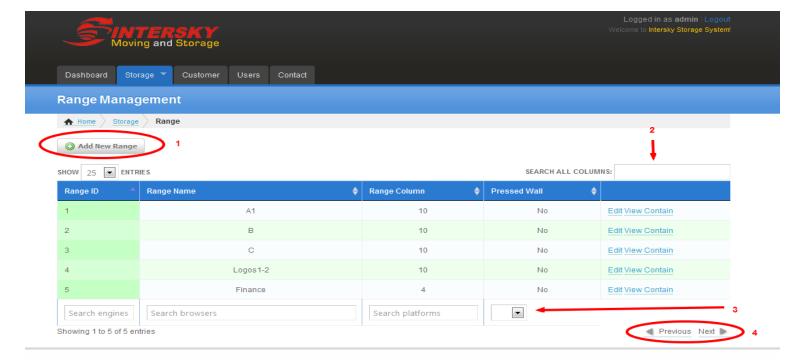


Hình 4: Màn hình thông tin kho chứa

# 5. Dãy chứa

# Storage → Range

Trong 1 kho chứa, sẽ có nhiều dãy chứa (Range), mỗi dãy chứa sẽ có các các thông số như mặt trái (Right - R), mặt phải (Left – L), số tầng (4 tầng), các vị trí chứa thùng hồ sơ.Khi click vào menu Range, người dùng sẽ được liệt kê ra các range chứa trong kho hiện tại như hình sau:



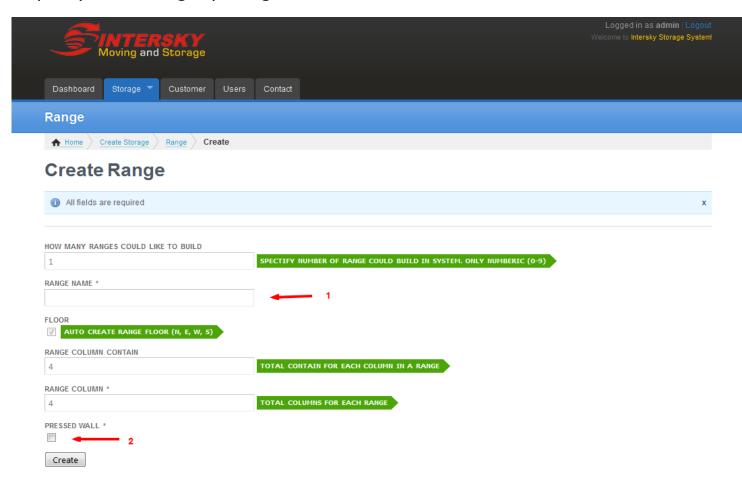
Hình 5: Màn hình hiển thi các dãy chứa (range) trong kho

- 1: Nút bấm them dãy chứa mới
- 2: Khung tìm kiếm chung, có thể tìm kiếm được các thông tin chung nhất trong bảng chứa
- 3: khung tìm kiếm dành cho từng cột cụ thể, khi người dùng gỗ ký tự tìm kiếm tai vi trí côt nào thì ứng dung sẽ tìm ngay vi trí của côt đó.
- 4: Các liên kết đến trang tiếp hoặc quay lại trang vừa xem.

### 1. Thêm mới - cập nhật dãy chứa - Xem chi tiết (Range)

### a) Thêm mới

Khi thêm mới dãy chữa, các thông tin như tên dãy và thuộc tính của dãy sẽ phải yêu cầu cung cấp trong biểu mẫu thêm mới như hình dưới:



Hình 6: Màn hình thêm mới dãy chứa

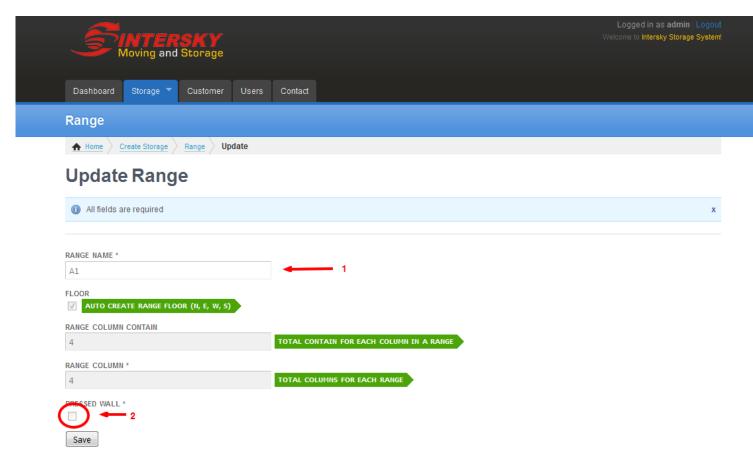
Range Name: nhập vào tên của dãy chứa, dùng để nhận diện với các dãy chứa khác trong cùng 1 kho

Press wall: Thuộc tính của dãy chứa, nếu dãy chứa áp tường, thì đánh dấu vào, khi đó, dãy chứa tạo ra sẽ chỉ có 1 mặt, ngược lại nếu không đánh vào, hệ thống tự động hiểu dãy chứa là có 2 mặt trái (Left) và phải (Right), khi đó số lượng tạo tao các ô chứa sẽ gấp đôi so với với áp tường.

Lưu ý: hệ thống cho phép tạo nhiều dãy chứa trong cùng 1 thời điểm, bằng cách nhập vào số lượng dãy chứa muốn tạo tại dòng đầu tiên (How many ranges could like to build). Nhưng lưu ý, không nên tạo 1 lúc quá nhiều, chỉ nên tạo với số lượng nhỏ hơn 3 trong cùng 1 thời điểm, do hệ thống sẽ phải kết nối với máy chủ trên INTERNET và sẽ có thời gian giới hạn kết nối, nên để tránh trường hợp bị ngắt kế nối khi tạo mới, người dùng chỉ nên tạo 1 lần 3 dãy chứa để đảm bảo an toàn số liệu hệ thống

### b) Cập nhật dãy chứa

Trong màn hình hiển thị dãy chứa (hình 5), khi cần cập nhật thông tin của dãy có thể bấm vào link (Edit) tương ứng.

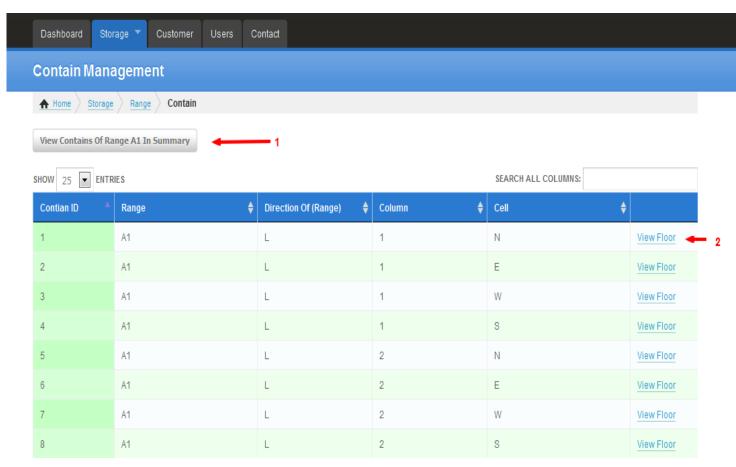


Hình 7: Màn hình cập nhật thông tin dãy chứa

Khi cập nhật thông tin dãy chứa, chỉ có giới hạn các thông tin cho phép cập nhật (ngay thời điểm hiện tại), khi đó tên dãy chứa cho phép người dùng cập nhật lại thông tin và ngoài ra tạm thời chưa cho phép cập nhật các thông tin còn lại của dãy chứa (do các thông tin còn lại có liên quan và ảnh hưởng đến vị trí và số lượng hồ sơ trong kho, nên sẽ bị cấm cập nhật đối với các thông tin còn lai)

### c) Xem chi tiết dãy chứa

Khi người dùng bấm vào link xem (View contain) của dãy chứa tương ứng, 1 màn hình khác sẽ hiện ra để cho xem thông tin chi tiết của dãy chứa tương ứng.



Hình 8: Màn hình xem thông tin dãy chữa

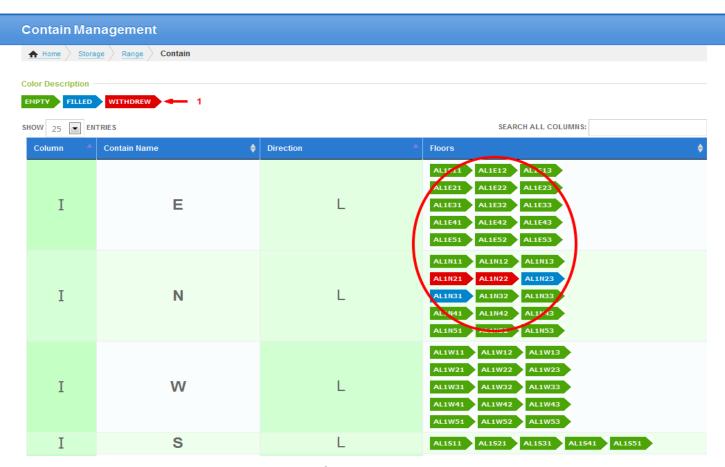
Trong màn hình trên, thông tin trong 1 dãy chữa khi được tạo ra sẽ được hiển thi như hình, người dùng có thể chon 1 trong 2 cách xem chi tiết hơn

về nội dung chứa trong từng ô chứa bằng cách bấm vào các link cung cấp sau:

- 1: Xem tổng quan toàn bộ các ô chứa trong dãy chứa
- 2: Xem tổng quan ô chứa trong 1 ô chứa

# Xem tổng quan trong dãy chứa

Khi xem tổng quan trong 1 dãy chứa, màn hình người dùng sẽ được hiển thi như sau:



Hình 9: Màn hình xem tổng quan nội dung 1 ô chứa

Tại màn hình này, người dùng có thể xem rõ hơn về toàn bộ nội dung của 1 dãy chứa, trong đó có các hệ màu đại diện cho các tình trạng khác nhau của các ô chứa:

Xanh: Có thể đưa vào hồ sơ

Xanh da trời: Đã có hồ sơ trong ô chứa đó

Đỏ: Hồ sơ đã được rút đi

# Xem tổng quan trong 1 ô chứa

Khi xem tổng quan trong 1 ô chứa, người dùng chỉ có thể xem trong ô chứa đó, và thông tin hiển thị chỉ giới hạn trong 1 ô chứa đó, như hình sau:

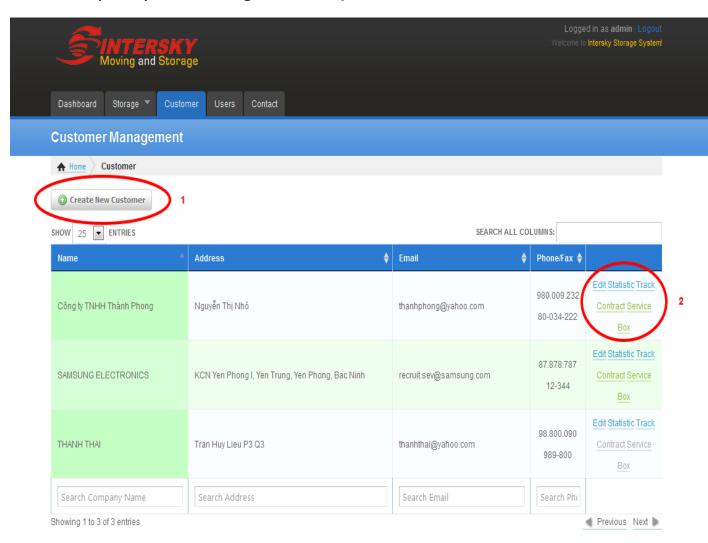
Dashibodia Diorage Castonier Coers Contact									
Contain Man	nagement								
↑ Home Storage Range Contain Floor									
SHOW 25 ▼ ENT	ITRIES				SEARCH ALL COLUMNS:				
Floor ID	A Floor Name	SubFloor	Location Code	Range Name	♦ Contain Numb	per 🔷 Status			
1	N1-1	1-1	AL1N11	A1	1	AL1N11			
2	N1-2	1-2	AL1N12	A1	1	AL1N12			
3	N1-3	1-3	AL1N13	A1	1	AL1N13			
4	N2-1	2-1	AL1N21	A1	1	AL1N21			
5	N2-2	2-2	AL1N22	A1	1	AL1N22			
6	N2-3	2-3	AL1N23	A1	1	AL1N23			
7	N3-1	3-1	AL1N31	A1	1	AL1N31			
8	N3-2	3-2	AL1N32	A1	1	AL1N32			
9	N3-3	3-3	AL1N33	A1	1	AL1N33			
10	N4-1	4-1	AL1N41	A1	1	AL1N41			
11	N4-2	4-2	AL1N42	A1	1	AL1N42			
12	N4-3	4-3	AL1N43	A1	1	AL1N43			
13	N5-1	5-1	AL1N51	A1	1	AL1N51			
14	N5-2	5-2	AL1N52	A1	1	AL1N52			
15	N5-3	5-3	AL1N53	A1	1	AL1N53			

Hình 10: Màn hình xem thông tin trong 1 ô chứa

Tại màn hình này, người dùng chỉ có thể xem nội dung 1 ô chứa, thông tin sẽ được giới hạn lại trong ô chứa đó.

# 6. Khách hang

Màn hình quản lý khách hàng sẽ hiển thị như:

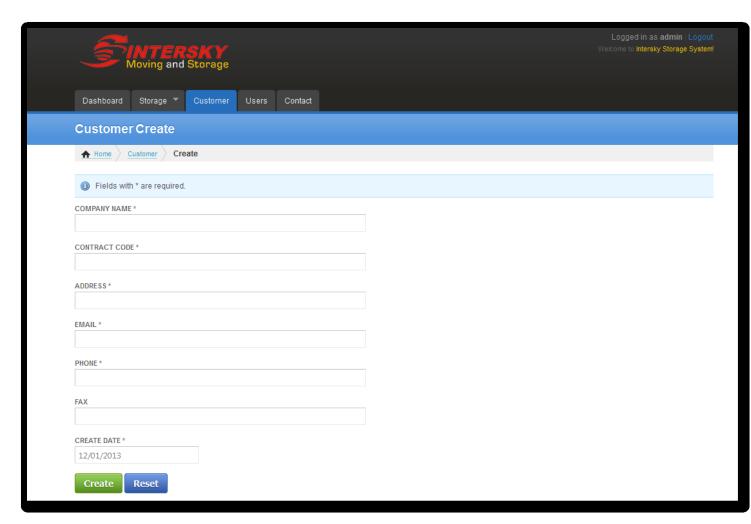


Hình 11: Màn hình hiển thị thông tin khách hàng

Màn hình dành cho thao tác quản trị khách hàng, khi muốn thêm hoặc thao tác các dịch vị của khách hàng như hình.

# 1. Thêm mới khách hàng

Khi cần thêm mới khách hàng, 1 số thông tin sẽ có thể được yêu cầu trong biểu mẫu thêm mới như hình:



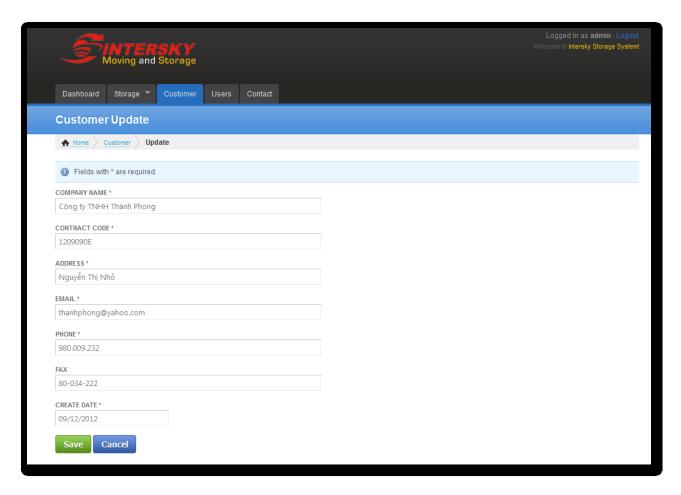
Hình 12: Màn hình thêm mới khách hàng

1 số thông tin được yêu cầu cung cấp như hình trên sẽ phải điền vào khi thêm mới.

### 2. Các thao tác khác:

Chỉnh sửa thông tin khách hàng

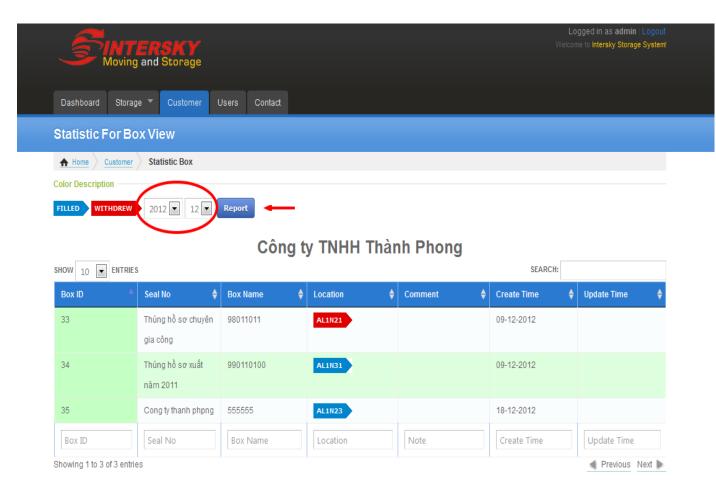
Khi bấm vào link Edit, người dùng có thể cập nhật lại thông tin khách hàng như hình sau:



Hình 13: Màn hình cập nhật thông tin khách hàng

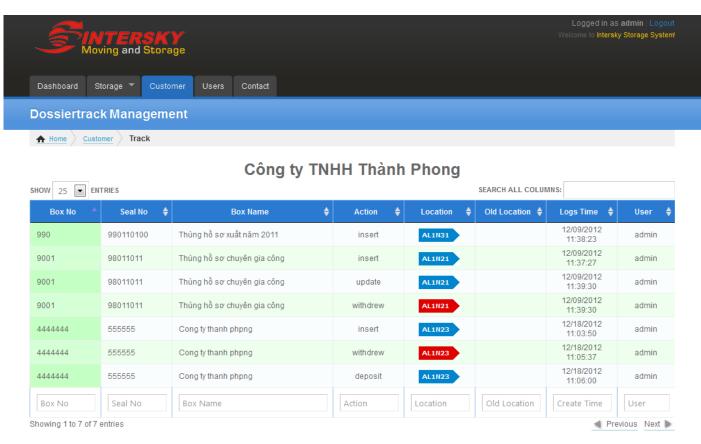
Ngoài ra tại hình 11, cột cuối cùng của bảng còn có các link cho phép thao tác đến dịch vụ khách hàng như:

Statistic (thống kê): Cho phép thông kê các thông tin hồ sơ của khách hàng theo thời gian năm và tháng như hình:



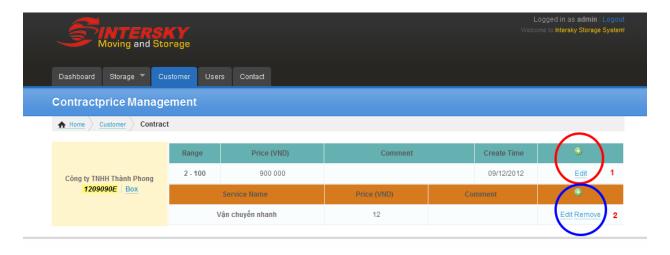
Hình 14: Thống kê thông tin theo tháng và năm

Track (theo dõi): Cho phép theo dõi quá trình các thùng hồ sơ được rút và và trả về như hình:



Hình 15: Màn hình theo dõi thùng hồ sơ

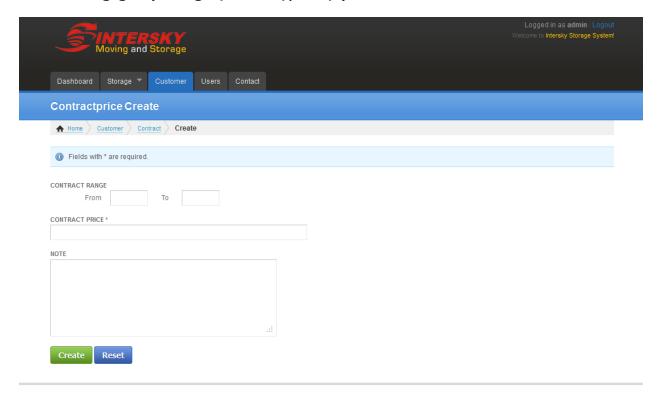
Contract (hợp đồng): Hợp đồng của khách hàng trong đó sẽ có 1 số thông tin quy định về số tiền của các thùng hồ sơ, phí dịch vụ cho các loại hình khác nhau:



Hình 16: Màn hình hợp đồng của khách hàng

Trong đó, ô khoanh số 1 là quy định về số tiền phải trả khi khách hàng có số lượng thùng như quy định

Thêm vùng giá (tương tự bên cập nhật)

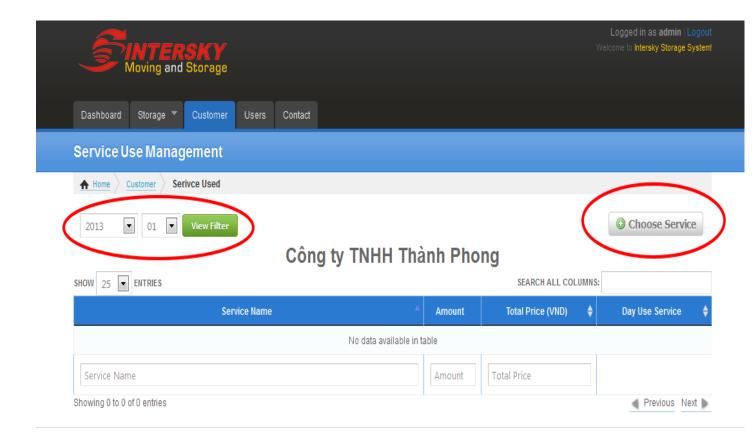


Hình 17: Màn hình thêm mới vùng giá

Ô khanh số 2 là phí dịch vụ của khách hàng.

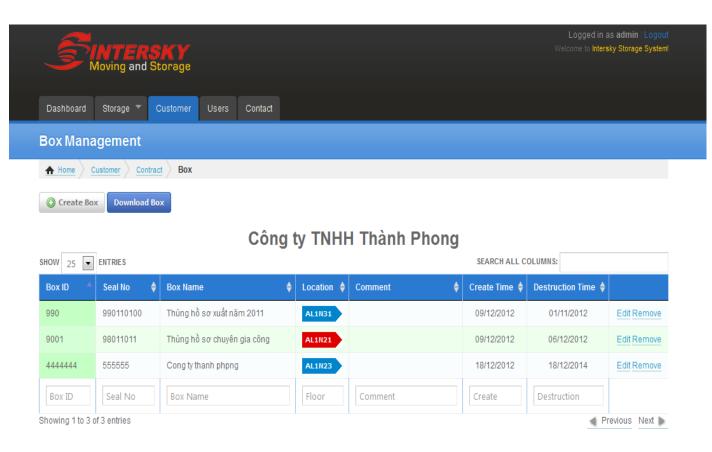
Trong màn hình có thể cho phép thêm

Service (dịch vụ): Các thông tin dịch vụ sẽ được liệt kê, trong đó, người dùng có thể chọn lọc theo thời gian và thêm mới dịch vụ.



Hình 18: Màn hình dịch vụ khách hàng

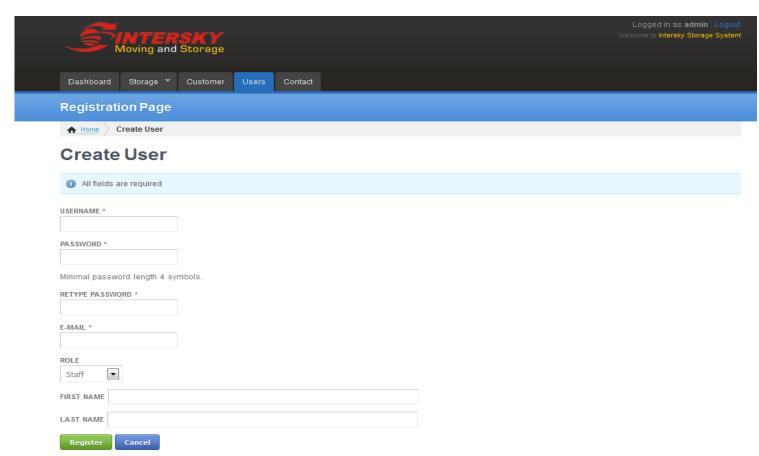
Box (hồ sơ): Trong màn hình này, người dùng có thể xem được số hồ sơ của khách hàng, hoặc download về với định dạng PDF như hình sau:



Hình 19: Màn hình hồ sơ khách hàng

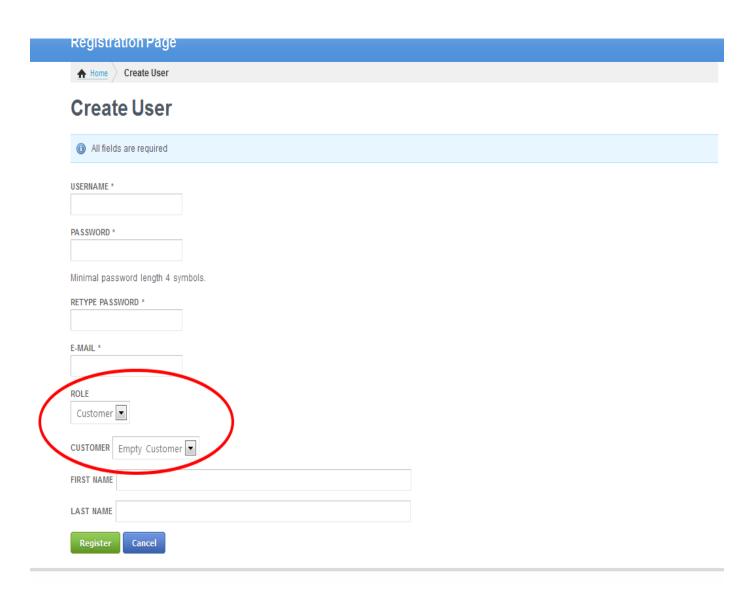
# 7. Users (quản lý thành viên)

Admin có thể vào quản lý thành viên, các thao tác, thêm, cập nhật và tạo mới thành viên sẽ được nằm trong chức năng User:



Hình 20: Màn hình tạo mới thành viên

Trong khi đó nếu muốn tạo thông tin đăng nhập cho khách hàng, admin phải chọ ROLE sang Customer, lúc này, danh sách khách hàng sẽ hiển thị ra cho phép admin chọn khách hàng để tạo thông tin đăng nhập cho khách hàng tương ứng đó:



Hình 21: Màn hình tạo thông tin đăng nhập cho khách hàng